

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|---|--|
| 1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | | |
| Yêu cầu kỹ thuật cụ thể của hàng hóa được nêu trong E-HSMT (tại chương V Yêu cầu về kỹ thuật) | - Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại mục chương V Yêu cầu về kỹ thuật. | Đạt |
| | - Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại chương V Yêu cầu về kỹ thuật. | Không đạt |
| 2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa. | Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. | Đạt |
| | Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. | Không đạt |
| 3. Tiến độ cung cấp, bàn giao hàng hóa | | |
| Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Có bảng tiến độ cung cấp hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | Không có bảng tiến độ cung cấp hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và thời gian quy định trong E-HSMT | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|---|--|
| 4. Khả năng thích ứng về địa lý | | |
| Khả năng thích ứng về địa lý của hàng hóa. | Có bản Cam kết hoặc tài liệu chứng minh Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý. | Đạt |
| | Không có bản Cam kết hoặc tài liệu chứng minh Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý. | Không đạt |
| 5. Bảo hành | | |
| Thời gian Bảo hành và các cam kết trong thời gian bảo hành | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu - Nhà thầu phải có cam kết bảo hành sản phẩm thể hiện rõ và đầy đủ các hạng mục sau: <ul style="list-style-type: none"> + Liệt kê các dạng hư hỏng sẽ được bảo hành, các dạng hư hỏng không được bảo hành. + Phương thức liên hệ nhà thầu khi hàng hóa gặp hư hỏng (bằng văn bản, email, điện thoại...). + Trong thời hạn bảo hành, sau thời gian không quá 48 giờ làm việc kể từ khi đại diện Chủ đầu tư liên hệ với đại diện bên nhà thầu để sửa chữa mà nhà thầu không có người đến kiểm tra và sửa chữa thì nhà thầu phải chịu mọi khoản chi phí mà bên Chủ đầu tư đã thanh toán cho đơn vị sửa chữa khác. | Đạt |
| | Thời gian bảo hành không đáp ứng yêu cầu trên hoặc không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ các nội dung trên. | Không đạt |
| 6. Uy tín của nhà thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự | Có đính kèm bản cam kết đầy đủ các nội dung về uy tín của nhà thầu thông qua việc | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--|
| <p>thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính Phủ</p> | <p>tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đổi chiếu tài liệu hoặc đã đổi chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đổi chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đổi chiếu tài liệu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này; - Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này; - Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. - Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; - Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo | |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--------------------------|--|--|
| | <p>hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; - Nhà thầu không bị chủ đầu tư/tổ chuyên gia hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc ra thông báo hoặc báo cáo đánh giá nhà thầu có hành vi gian lận cung cấp thông tin không trung thực trong đấu thầu theo Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15. | |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| Kết luận: | E-HSDT đáp ứng tất cả các yêu cầu 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong bảng này. | Đạt |
| | E-HSDT không đáp ứng \geq 01 yêu cầu trong bảng này. | Không đạt |